

**QUYẾT ĐỊNH
SƠ THẨM GIẢI QUYẾT VIỆC DÂN SỰ**

Về việc yêu cầu xác định phần quyền sở hữu tài sản và phần quyền sử dụng đất ở

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHƯỚC SƠN – TỈNH QUẢNG NAM

Thành phần giải quyết việc dân sự gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên họp: Ông Pơ Loong Đếch

Thư ký phiên họp: Ông Nguyễn Ngọc Thành – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Phước Sơn, tỉnh Quảng Nam.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phước Sơn, tỉnh Quảng Nam tham gia phiên họp: Bà BLúp Tiên – Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 12 năm 2023; tại Tòa án nhân dân huyện Phước Sơn, tỉnh Quảng Nam tiến hành mở phiên họp sơ thẩm công khai giải quyết việc dân sự thụ lý số 10/2023/TLST ngày 4 tháng 10 năm 2023 về việc yêu cầu phân chia quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở, theo Quyết định mở phiên họp sơ thẩm giải quyết việc dân sự số 01/2023/QĐST-DS ngày 05 tháng 12 năm 2023; gồm những người tham gia tố tụng sau:

-Người yêu cầu giải quyết việc dân sự: Bà Nguyễn Thị Thu V; sinh năm: 1968; địa chỉ: Tổ dân phố số 2, thị trấn K, huyện S, tỉnh Q; *có mặt.*

****Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:***

-Ông Võ Công L; sinh năm: 1969; địa chỉ: Tổ dân phố số 2, thị trấn K, huyện S, tỉnh Q; *có mặt.*

-Chị Võ Thị Gia H; sinh năm: 1998; địa chỉ: 102/3 Hà Huy Tập, Phường Thanh Khê Đông, Quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng; *vắng mặt (có đơn xin vắng mặt).*

-Anh Võ Công Gia H; sinh ngày: 12/7/2006; địa chỉ: Tổ dân phố số 2, thị trấn K, huyện S, tỉnh Q; *vắng mặt (có đơn xin vắng mặt).*

****Người giám hộ cho Võ Công Gia H:*** Bà Nguyễn Thị Thu V (mẹ ruột của Võ Công Gia H); địa chỉ: Tổ dân phố số 2, thị trấn K, huyện S, tỉnh Q. *Có mặt.*

-Chi cục thi hành án dân sự huyện Phước Sơn. Đại diện theo pháp luật: Ông Zơ Râm Xuân – Chi cục trưởng; *có mặt.*

NỘI DUNG VIỆC DÂN SỰ

Theo đơn yêu cầu giải quyết việc dân sự ngày 26/9/2023 của bà Nguyễn Thị Thu V, các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ, những vấn đề cụ thể của người yêu cầu Tòa án giải quyết như sau:

Bà Nguyễn Thị Thu V trình bày: Căn cứ thông báo số 228/TB-CCTHADS ngày 22/8/2023 của Chấp hành viên Chi cục thi hành án dân sự huyện Phước Sơn và theo bản án, quyết định thi hành án thì chồng tôi là ông Võ Công L phải thi hành án các khoản gồm: Ông Võ Công L phải trả cho bà Mai Thị Thu Huyền với số tiền 875.917.000 đồng, phải thi hành khoản tiền án phí dân sự sơ thẩm 36.000.000 đồng. Ông Võ Công L có tài sản chung là quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CB 281211, thửa đất số 640, tờ bản đồ số 10, được UBND huyện Phước Sơn cấp cho hộ ông Võ Công L ngày 12/11/2015, địa chỉ tại khối 2a (nay là Tổ dân phố số 2) thị trấn Khâm Đức, huyện Phước Sơn, tỉnh Quảng Nam. Tại thời điểm đăng ký cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở thì hộ gia đình có 04 thành viên gồm: Võ Công L, Nguyễn Thị Thu V, Võ Thị Gia H và Võ Công Gia H.

Theo quy định tại khoản 1 Điều 74 Luật thi hành án dân sự năm 2008 đã được sửa đổi bổ sung năm 2014; có quy định: *Trường hợp chưa xác định phần quyền sở hữu tài sản, phần quyền sử dụng đất của người phải thi hành án trong khối tài sản chung để thi hành án thì Chấp hành viên phải thông báo cho người phải thi hành án và những người có quyền sở hữu chung đối với tài sản, quyền sử dụng đất biết để họ tự thỏa thuận phân chia tài sản chung hoặc yêu cầu Tòa án giải quyết theo thủ tục tố tụng dân sự.*

Do đó, tôi làm đơn này yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Phước Sơn, tỉnh Quảng Nam xác định phần quyền sử dụng đất, phần quyền sở hữu tài sản của chồng tôi là ông Võ Công L trong khối tài sản chung của hộ gia đình để đảm bảo quyền, lợi ích hợp pháp của các thành viên trong hộ gia đình. Tài sản đề nghị xác định cụ thể là: Quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CB 281211, thửa đất số 640, tờ bản đồ số 10, được UBND huyện Phước Sơn cấp ngày 12/11/2015, địa chỉ tại Tổ dân phố số 2 (khối 2a cũ) thị trấn Khâm Đức, huyện Phước Sơn, tỉnh Quảng Nam.

Tại bản trình bày ngày 18/10/203 của ông Võ Công L: Tôi với bà Nguyễn Thị Thu V có 02 người con chung tên là Võ Thị Gia H, sinh năm 1998 và Võ Công Gia H; sinh năm 2006. Thời gian này bà Vân thuê nhà ở với 02 đứa con, tôi đi làm rừng ít về.

Năm 2007, bà Vân mua nhà tại khối 2a thị trấn Khâm Đức, huyện Phước Sơn; năm 2011 tôi và bà Vân đăng ký kết hôn, bà Vân mong muốn tôi ổn định cuộc sống và cùng chăm sóc các con. Nên năm 2015, bà Vân làm thủ tục để tôi đứng tên trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và quyền sở hữu nhà ở số CB 281211 do UBND huyện Phước Sơn cấp ngày 12/11/2015 cho hộ gia đình tôi gồm: Tôi, vợ Nguyễn Thị Thu V, con Võ Thị Gia H (1998) và Võ Công Gia H (2006). Đối với tài sản nhà đất trên tôi không có đóng góp tiền của, công sức gì; việc bà Vân mua ngôi nhà trước đây do bà Vân định đoạt tôi không liên quan. Tôi chỉ là người đứng tên hộ gia đình theo yêu cầu của bà Vân, thực chất không phải là tài sản của tôi.

Tại đơn trình bày ngày 25/10/2023 của chị Võ Thị Gia H: Tôi là con ruột của ông Võ Công L và bà Nguyễn Thị Thu V. Hiện tất cả tài sản của gia đình tôi đang có đều do công sức và tiền bạc của mẹ tôi làm ra, từ nhỏ ba tôi hoàn toàn không nuôi dạy cũng như chu cấp cho tôi và chưa nhận được bất kỳ sự giúp đỡ của ông Võ Công L.

Tại đơn trình bày ngày 25/10/2023 của anh Võ Công Gia H: Tôi là con ruột của ông Võ Công L và bà Nguyễn Thị Thu V. Hiện tại tất cả tài sản của gia đình đều là công sức của mẹ làm ra, ba tôi thường xuyên vắng nhà và không nuôi dạy cũng như chu cấp cho tôi.

Tại phiên họp giải quyết việc dân sự, những người tham gia phiên họp trình bày:

Bà Nguyễn Thị Thu V trình bày: Tôi với ông Lâm lấy nhau năm 1997, đến năm 1998 sinh cháu Võ Thị Gia H và năm 2006 sinh cháu Võ Công Gia H. Năm 2007, tôi mua đất và nhà cấp 4 có gác lửng; đến năm 2009 tôi làm nhà xây 02 tầng cấp 4. Đến năm 2011 tôi với ông Lâm mới đăng ký kết hôn và đến năm 2015 tôi nhờ ông Lâm đứng tên hộ trên giấy tờ cấp đất. Việc mua đất gắn với nhà xây cấp 4 có gác lửng và làm căn nhà 02 tầng cấp 4 trên diện tích đất đã được UBND huyện Phước Sơn cấp giấy chứng nhận vào năm 2015 là tiền và công sức do tôi bỏ ra; ông Lâm không có đưa tiền và bỏ công sức gì. Nên tôi đề nghị Tòa án phân chia tài sản chung như sau:

-Về đất ở: Với diện tích 182,0m² đề nghị Tòa án phân chia thành 04 phần, gồm tôi, ông Lâm và 02 đứa con là Võ Thị Gia H, Võ Công Gia H mỗi người 25% giá trị quyền sử dụng đất ở.

-Về nhà ở 1: 02 tầng, cấp 4 xây dựng vào năm 2009 với diện tích xây dựng 144,9m² đề nghị Tòa án phân chia cho ông Lâm được hưởng 20% giá trị ngôi nhà và tôi được hưởng 80% giá trị ngôi nhà.

-Về nhà ở 2: 01 tầng có gác lửng mua vào năm 2007 với diện tích xây dựng 72,21m² đề nghị Tòa án phân chia cho ông Lâm được hưởng 10% giá trị ngôi nhà và tôi được hưởng 90% giá trị ngôi nhà.

Ông Võ Công L trình bày: LỜI trình bày của bà Vân là đúng. Tôi với bà Vân lấy nhau năm 1997, năm 1998 sinh cháu Võ Thị Gia H, năm 2006 sinh cháu Võ Công Gia H; đến năm 2011 vợ chồng tôi mới đăng ký kết hôn và đến năm 2015 bà Vân nhờ tôi đứng tên trên giấy tờ cấp đất đã được UBND huyện Phước Sơn cấp. Thực tế việc mua đất gắn với nhà xây 01 tầng có gác lửng cấp 4 và làm nhà xây 02 tầng trên diện tích đất được cấp giấy chứng nhận là do bà Vân bỏ ra tiền, công sức; tôi không có đóng góp gì trong việc mua đất và xây dựng nhà. Bà Vân yêu cầu phân chia cho tôi được hưởng 02 căn nhà và đất như trình bày của bà Vân tôi đồng ý.

Đại diện Chi cục thi hành án dân sự ông Zơ Râm Xuân trình bày: Sau khi nhận bản án dân sự phúc thẩm số 21/2023/DSPT, ngày 24/4/2023 của TAND tỉnh Quảng Nam thì Chi cục thi hành án dân sự huyện Phước Sơn tiến hành tổ chức thi hành án đối với ông Võ Công L phải trả cho bà Mai Thị Thu Huyền với số tiền 875.917.000 đồng và khoản tiền án phí phải nộp cho Nhà nước với số tiền 36.000.000 đồng. Để có cơ sở thi hành án đối với bản án dân sự phúc thẩm của TAND tỉnh Quảng Nam đề nghị Tòa án huyện Phước Sơn xem xét xác định phần quyền sở hữu nhà ở và phần quyền sử dụng đất ở theo yêu cầu của bà Vân, để Chi cục thi hành án dân sự huyện có căn cứ thi hành án đối với phần quyền sử dụng đất ở và phần quyền sở hữu nhà ở của ông Võ Công L theo pháp luật.

Quan điểm của Kiểm sát viên tại phiên họp giải quyết việc dân sự:

Về tố tụng: Trong quá trình thụ lý giải quyết việc dân sự của thẩm phán, thư ký chấp hành đúng quy định của pháp luật; những người tham gia tố tụng giải quyết việc dân sự kể từ khi thụ lý và quá trình giải quyết việc dân sự đến trước thời điểm công bố Quyết định thực hiện theo đúng quy định của pháp luật.

Về quan điểm giải quyết việc dân sự: Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phước Sơn đề nghị Tòa án nhân dân huyện Phước Sơn căn cứ khoản 9 Điều 27; điểm a khoản 2 Điều 35; điểm n khoản 2 Điều 39; Điều 361 Bộ luật tố tụng dân sự để giải quyết việc dân sự theo hướng: *Chấp nhận yêu cầu của bà Nguyễn Thị Thu V về việc yêu cầu Tòa án xác định phần quyền sở hữu nhà ở và phần quyền sử dụng đất ở của người phải thi hành án là ông Võ Công L.*

-Về phần quyền sử dụng đất ở: Ông Võ Công L, bà Nguyễn Thị Thu V, chị Võ Thị Gia H và anh Võ Công Gia H có quyền sử dụng chung theo phần đối với quyền sử dụng đất ở tại thửa đất số 640, tờ bản đồ số 10, với diện tích 182,0m², tại khối 2a (nay là Tổ dân phố số 2) thị trấn Khâm Đức, huyện Phước Sơn, tỉnh Quảng Nam được UBND huyện Phước Sơn cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CB 281211 ngày 12/11/2015 cho hộ gia đình ông Võ Công L. Phần quyền sử dụng đất của ông Võ Công L, bà Nguyễn Thị Thu V, chị Võ Thị Gia H và anh Võ Công Gia H mỗi người được hưởng 25% giá trị quyền sử dụng đất ở.

-Về phần quyền sở hữu nhà ở: Đối với căn nhà 02 tầng, nhà cấp IV, có tổng diện tích sàn 144,9m². Bà Nguyễn Thị Thu V được hưởng 70% giá trị ngôi nhà và ông Võ Công L được hưởng 30% giá trị ngôi nhà ở. Đối với căn nhà 01 tầng có gác lửng, nhà cấp IV, có tổng diện tích sàn 72,21m² bà Nguyễn Thị Thu V được hưởng 60% giá trị và ông Võ Công L được hưởng 40% giá trị ngôi nhà ở.

-Về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá tài sản với tổng số tiền là 2.200.000 đồng, bà Nguyễn Thị Thu V đồng ý nộp.

-Về lệ phí sơ thẩm: Căn cứ khoản 1 Điều 37 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định thì bà Nguyễn Thị Thu V phải chịu 300.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ việc dân sự được thẩm tra tại phiên họp; ý kiến của các đương sự và đại diện Viện kiểm sát tại phiên họp. Tòa án nhân dân huyện Phước Sơn, tỉnh Quảng Nam nhận định:

[1] Về tố tụng: Nơi cư trú của bà Nguyễn Thị Thu V, ông Võ Công L và tài sản yêu cầu xác định phần quyền sở hữu tài sản, phần quyền sử dụng đất tại Tổ dân phố số 2, thị trấn Khâm Đức, huyện Phước Sơn, tỉnh Quảng Nam. Nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Phước Sơn, tỉnh Quảng Nam theo quy định tại khoản 9 Điều 27; điểm a khoản 2 Điều 35; điểm n khoản 2 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự. Ngày 4/10/2023, Tòa án nhân dân huyện Phước Sơn, tỉnh Quảng Nam thụ lý việc dân sự là đúng quy định của pháp luật.

[2] Xét yêu cầu xác định phần quyền sở hữu tài sản, phần quyền sử dụng đất của bà Nguyễn Thị Thu V:

Về diện tích đất ở: Theo biên bản xác minh ngày 15/5/2023, của Chi cục thi hành án dân sự huyện Phước Sơn tại Văn phòng chi nhánh đăng ký đất đai huyện Phước Sơn

xác định: Thửa đất số 640, tờ bản đồ số 10, địa chỉ tại khối 2a (nay là Tổ dân phố số 2) thị trấn Khâm Đức, huyện Phước Sơn, tỉnh Quảng Nam theo giấy chứng nhận số CB 281211 được UBND huyện Phước Sơn, tỉnh Quảng Nam cấp ngày 12/11/2015 cho hộ ông Võ Công L thì tại thời điểm xác lập quyền sở hữu, sử dụng đất thì trong gia đình có 04 thành viên là ông Võ Công L, Nguyễn Thị Thu V, Võ Thị Gia H và Võ Công Gia H. Theo quy định tại Điều 106 Bộ luật dân sự thì tài sản là bất động sản phải được đăng ký quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền trên đất.

Qua xem xét các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ việc dân sự thì thấy: Tài sản là quyền sử dụng đất đối với thửa đất số 640, tờ bản đồ số 10, địa chỉ tại khối 2a (nay là Tổ dân phố số 2) thị trấn Khâm Đức, huyện Phước Sơn, tỉnh Quảng Nam có diện tích 182.0m² đã được hộ ông Võ Công L và bà Nguyễn Thị Thu V đăng ký theo quy định của pháp luật đất đai. Vì vậy, có căn cứ xác định tài sản là giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CB 281211, theo thửa đất số 640, tờ bản đồ số 10, địa chỉ tại khối 2a (nay là Tổ dân phố số 2) thị trấn Khâm Đức, huyện Phước Sơn với diện tích 182.0m² được UBND huyện Phước Sơn cấp ngày 12/11/2015 thuộc quyền quản lý, sử dụng của hộ gia đình ông Võ Công L, bà Nguyễn Thị Thu V và 02 đứa con là Võ Thị Gia H, Võ Công Gia H. Nên ông Võ Công L có phần sở hữu đối với tài sản chung là diện tích đất ở 182,0m².

Theo biên bản xem xét, thẩm định tại chỗ ngày 04/12/2023 thì diện tích đất ở được xác định: Tổng diện tích thửa đất là 183,8m² (các cạnh thửa đất lần lượt là: 4,5m; 3,41m; 17,0m; 4,6m; 2,31m; 17,77m). Thửa đất có tứ cận: Phía đông giáp nhà ông Phan Ngọc Lê và bà Đoàn Thị Tú Oanh, phía tây giáp nhà bà Phan Thị Xuân Anh, phía nam giáp với nhà ông Phạm Thế Vĩnh, phía bắc giáp đường Quang Trung. Theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ở và quyền sở hữu nhà ở số CB 281211, thửa đất số 64, tờ bản đồ số 10, được UBND huyện Phước Sơn cấp ngày 12/11/2015 có diện tích là 182,0m². Như vậy, hiện trạng sử dụng diện tích đất thực tế hiện nay của hộ gia đình ông Võ Công L và bà Nguyễn Thị Thu V đang sử dụng tăng 1,8m² so với diện tích đất được cấp giấy chứng nhận.

Từ các chứng cứ, tài liệu nêu trên có căn cứ kết luận: Tại thời điểm được cấp thửa đất số 640, tờ bản đồ số 10, có diện tích 182,0m², địa chỉ tại khối 2a (nay là Tổ dân phố số 2) thị trấn Khâm Đức, huyện Phước Sơn, tỉnh Quảng Nam đã được UBND huyện Phước Sơn, tỉnh Quảng Nam cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và quyền sở hữu nhà ở số CB 281211 ngày 12/11/2015 cho hộ gia đình ông Võ Công L thì trong gia đình gồm có 04 thành viên là ông Võ Công L, bà Nguyễn Thị Thu V, chị Võ Thị

Gia H và anh Võ Công Gia H. Nên tỷ lệ phần quyền sử dụng đất của mỗi thành viên trong hộ gia đình là 25% giá trị quyền sử dụng đất.

Về nhà ở: Theo biên bản xem xét, thẩm định tại chỗ ngày 04/12/2023, thì trên diện tích đất 182,0m² đã được UBND huyện Phước Sơn cấp giấy chứng nhận ngày 12/11/2015; có 02 căn nhà ở; cụ thể:

Nhà ở 1 (Kết cấu 02 tầng, nhà cấp IV); Kiến trúc: Nhà 02 tầng, tổng diện tích sàn 144,9m², cụ thể:

Tầng 1 (tầng trệt): Diện tích sàn 76,5m² (17m x 4,5m) bao gồm: 01 phòng khách; cầu thang; 02 phòng ngủ; 01 phòng bếp; kiến trúc sơ bộ: Gồm cửa chính bằng pano sắt kéo; cửa phòng ngủ bằng gỗ; nền lát gạch men (40cm x 40cm); đóng lam ri tường xung quanh bằng gạch men, cao 1,2m² (trừ 02 phòng ngủ và phòng bếp), cầu thang được đóng bậc cấp, lam ri, tay vịn bằng gỗ; bếp phía trên lợp tôn; đóng trần lam ri gỗ; bậc bếp bằng gạch xây ốp gạch men.

Tầng 2: Diện tích sàn 68,4m² (15,2m x 4,5m) bao gồm: 01 phòng thờ; cầu thang; 02 phòng ngủ; 01 phòng vệ sinh nhỏ ngay cuối đường lườn; 01 ban công dài 1,7m², rộng 4,5m²; diện tích 7,65m²; kiến trúc sơ bộ: Cửa chính 02 cánh, kết hợp cửa sổ 02 cánh bên cạnh bằng gỗ; cửa phòng ngủ bằng gỗ; cửa sổ (05 bộ) bằng nhôm kính (diện tích 1,2m x 0,8m = 9,6m²/bộ); nền lát gạch men (40cm x 40cm); trần đóng lam ri gỗ (trừ phòng vệ sinh nhỏ).

Kết cấu: Móng, trụ, cột, dầm, sàn, cầu thang bằng bê tông cốt thép; tường xây gạch; mái lợp tôn; hệ thống điện, nước đầy đủ.

Nhà ở 2 (kết cấu 01 tầng có thêm gác lửng; cấp IV); kiến trúc: Tổng diện tích sàn 72,21m²; cụ thể:

Tầng 1 (tầng trệt): Diện tích sàn 46,52m² (10,5m x 4,43m) bao gồm 01 phòng khách, cầu thang gác lửng, 01 phòng ngủ; kiến trúc sơ bộ: Cửa chính bằng pano sắt kéo; cửa phòng ngủ bằng gỗ; nền lát gạch xi măng tráng men loại 20cm x 20cm.

Gác lửng: Diện tích sàn 25,69m² (5,8m x 4,43m) bao gồm 01 phòng thờ, 01 phòng ngủ ngăn tạm; kiến trúc sơ bộ: Nền lát gạch men loại 30cm x 30cm; phòng ngủ tạm được làm bằng khung gỗ thưng ván; lan can gác lửng làm bằng khung Inox.

Kết cấu: Móng, cột, dầm, sàn lửng, cầu thang bằng bê tông cốt thép; tường xây gạch; mái kết cấu xà gồ gỗ (8cm x 12cm), lợp tôn.

Xét thấy: Ông Võ Công L và bà Nguyễn Thị Thu V đã chung sống với nhau năm 1997. Con đầu là Võ Thị Gia H, sinh ngày 18/4/1998 và con thứ hai là Võ Công Gia H, sinh ngày 12/7/2006. Đến năm 2011, mới đăng ký kết hôn; theo bà Nguyễn Thị Thu V và ông Võ Công L khai là năm 2009 xây dựng 01 căn nhà 02 tầng cấp IV với tổng diện tích 144,9m²; còn 01 căn nhà 01 tầng có gác lửng cấp IV với tổng diện tích 72,21m² bà Nguyễn Thị Thu V mua vào năm 2007 cùng với diện tích đất. Đến ngày 12/11/2015, được UBND huyện Phước Sơn cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với thửa đất số 640, tờ bản đồ số 10 cho hộ gia đình ông Võ Công L. Vì vậy, có căn cứ xác định 02 căn nhà trên diện tích đất 182,0m² đã được cấp giấy chứng nhận cho hộ gia đình ông Võ Công L và bà Nguyễn Thị Thu V là tài sản chung và thuộc quyền sở hữu, quản lý, sử dụng của hai vợ chồng ông Võ Công L và bà Nguyễn Thị Thu V. Tuy nhiên, xét thấy giấy viết tay mua đất và nhà xây 01 tầng cấp IV có thêm gác lửng có xác nhận của UBND thị trấn Khâm Đức, huyện Phước Sơn là do bà Nguyễn Thị Thu V mua vào năm 2007; còn 01 căn nhà xây 02 tầng cấp IV bà Nguyễn Thị Thu V khai làm vào năm 2009, người đóng góp công sức, tiền bạc trong việc tạo lập 02 căn nhà là bà Nguyễn Thị Thu V nên bà Nguyễn Thị Thu V được hưởng nhiều hơn ông Võ Công L. Hiện nay, bà Nguyễn Thị Thu V không có việc làm ổn định, đang nuôi con Võ Công Gia H sinh năm 2006 ăn học. Khi tạo lập 02 căn nhà ở hiện nay thì 02 người con là Võ Thị Gia H và Võ Công Gia H còn nhỏ, không có đóng góp gì trong việc tạo lập 02 căn nhà này nên không được hưởng. Vì vậy, tỷ lệ phần quyền sở hữu về 02 căn nhà được xác định như sau:

-Đối với nhà ở 1: 02 tầng, cấp IV có tổng diện tích sàn 144,9m² bà Nguyễn Thị Thu V được hưởng 70% giá trị ngôi nhà và ông Võ Công L được hưởng 30% giá trị ngôi nhà.

-Đối với nhà ở 2: 01 tầng, có gác lửng, cấp IV có tổng diện tích sàn 72,21m² bà Nguyễn Thị Thu V được hưởng 60% giá trị ngôi nhà và ông Võ Công L được hưởng 40% giá trị ngôi nhà.

[3] Về lệ phí sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị Thu V phải chịu 300.000 đồng.

Về chi phí xem xét thẩm định, định giá tài sản: Bà Nguyễn Thị Thu V đồng ý nộp với số tiền là 2.200.000 đồng.

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 9 Điều 27; điểm a khoản 2 Điều 35; điểm n khoản 2 Điều 39; Điều 361 Bộ luật tố tụng dân sự:

Chấp nhận yêu cầu của bà Nguyễn Thị Thu V về việc xác định phân quyền sử dụng đất ở và phân quyền sở hữu nhà ở.

1-Về phân quyền sử dụng đất ở: Bà Nguyễn Thị Thu V, ông Võ Công L, chị Võ Thị Gia H và anh Võ Công Gia H có quyền sử dụng chung theo phần đối với quyền sử dụng đất tại thửa đất số 640, tờ bản đồ số 10, với diện tích 182,0m²; tại địa chỉ: Khối 2a (nay là Tổ dân phố số 2) thị trấn Khâm Đức, huyện Phước Sơn, tỉnh Quảng Nam được UBND huyện Phước Sơn cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CB 281211 ngày 12/11/2015 cho hộ gia đình ông Võ Công L. Phần quyền sử dụng đất của bà Nguyễn Thị Thu V, ông Võ Công L, chị Võ Thị Gia H và anh Võ Công Gia H mỗi người là 25% (*hai mươi lăm phần trăm*) giá trị quyền sử dụng đất ở.

2-Về phân quyền sở hữu nhà ở:

-Nhà ở 1 (kết cấu 02 tầng, cấp IV) có tổng diện tích sàn 144,9m² bà Nguyễn Thị Thu V được hưởng 70% (*bảy mươi phần trăm*) giá trị ngôi nhà và ông Võ Công L được hưởng 30% (*ba mươi phần trăm*) giá trị ngôi nhà.

-Nhà ở 2 (kết cấu 01 tầng có gác lửng; cấp IV) có tổng diện tích sàn 72,21m² bà Nguyễn Thị Thu V được hưởng 60% (*sáu mươi phần trăm*) giá trị ngôi nhà và ông Võ Công L được hưởng 40% (*bốn mươi phần trăm*) giá trị ngôi nhà.

Hai ngôi nhà trên tọa lạc trên diện tích đất 182,0m², tại thửa đất số 640, tờ bản đồ số 10, được UBND huyện Phước Sơn, tỉnh Quảng Nam cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ở, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CB 281211 ngày 12/11/2015; địa chỉ thửa đất ở và nhà ở tại: Số 36, đường Quang trung, Tổ dân phố số 2 (khối 2a cũ) thị trấn Khâm Đức, huyện Phước Sơn, tỉnh Quảng Nam.

Về lệ phí sơ thẩm giải quyết việc dân sự: Căn cứ khoản 1 Điều 37 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án thì bà Nguyễn Thị Thu V phải chịu 300.000 đồng (*ba trăm ngàn đồng*) được khấu trừ vào số tiền đã nộp tạm ứng lệ phí 300.000 đồng (*ba trăm ngàn đồng*) tại biên lai thu tiền số 0011794, lập ngày 02/10/2023 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Phước Sơn, tỉnh Quảng Nam.

Về chi phí xem xét thẩm định, định giá tài sản với số tiền là 2.200.000 đồng (*hai triệu, hai trăm ngàn đồng*) bà Nguyễn Thị Thu V đồng ý nộp (bà Nguyễn Thị Thu V đã nộp xong).

Trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày Tòa án ra quyết định sơ thẩm các đương sự có quyền kháng cáo. Riêng các đương sự vắng mặt tại phiên họp có quyền kháng cáo trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày nhận được hoặc niêm yết quyết định này.

Viện kiểm sát cùng cấp có quyền kháng nghị trong thời hạn 10 ngày. Viện kiểm sát cấp trên trực tiếp có quyền kháng nghị trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày Tòa án ra Quyết định.

Nơi nhận:

-Các đương sự

-VKS Phước Sơn

-CCTHADS Phước Sơn

-Lưu hồ sơ việc dân sự

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN HỌP

Pơ Loong Đếch

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN PHƯỚC SƠN
TỈNH QUẢNG NAM**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 02/2022/DSST

Ngày: 6/9/2022

V/v “*Tranh chấp hợp*”

đồng vay tài sản”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHƯỚC SƠN – TỈNH QUẢNG NAM

-Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Pơ Loong Đếch

Các Hội thẩm nhân dân: + Ông Vũ Đình Cuối

+ Bà Nguyễn Thị Thu Hiệp

-Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Ngọc Thành – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Phước Sơn, tỉnh Quảng Nam.

Ngày 6 tháng 9 năm 2022; tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân huyện Phước Sơn, tỉnh Quảng Nam đưa ra xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 03/2022/TLST-DS ngày 28/6/2022 theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 02/2022/QĐXXST-DS ngày 22/8/2022; ***giữa các đương sự:***

1.Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Tá; sinh năm: 1972; địa chỉ: Thôn Lao Mung, xã Phước Xuân, huyện Phước Sơn, tỉnh Quảng Nam; *có mặt.*

****Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Tá:*** Ông Bùi Xuân Nam, Luật sư của Công ty Luật TNHH MTV Anh Nam, thuộc Đoàn luật sư thành phố Đà Nẵng; địa chỉ: 94 Lê Cảnh Tuân, phường Nại Hiên Đông, Quận Sơn Trà, thành phố Đà Nẵng; *có mặt.*

2.Bị đơn: Bà Nguyễn Thị Hải Đường; sinh năm: 1963; địa chỉ: Số 05 đường Trần Quốc Toản, Tổ dân phố số 2, thị trấn Khâm Đức, huyện Phước Sơn, tỉnh Quảng Nam; *có mặt.*

3.Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông Đỗ Ngọc Thắng; sinh năm: 1967; địa chỉ: Số 05 đường Trần Quốc Toản, Tổ dân phố số 2, thị trấn Khâm Đức, huyện Phước Sơn, tỉnh Quảng Nam; *vắng mặt (có đơn xin xét xử vắng mặt).*

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 24/5/2022 và bản tự khai ngày 12/7/2022 của bà Nguyễn Thị Tá trình bày: Trước đây vợ chồng ông Đỗ Ngọc Thắng và bà Nguyễn Thị Hải Đường có nợ của tôi 500.000.000 đồng (tiền gốc 380.000.000 đồng, tiền lãi 120.000.000 đồng). Ngày 18/9/2020, bà Nguyễn Thị Hải Đường viết giấy hẹn nợ là 500.000.000 đồng, thời gian trả ngày 30/12/2020 sẽ trả 250.000.000 đồng và ngày 30/12/2021 trả dứt điểm 250.000.000 đồng. Tuy nhiên, đến nay đã quá thời hạn trả nợ bà Nguyễn Thị Hải Đường không trả nợ theo đúng cam kết nên tôi làm đơn ra Tòa án

yêu cầu giải quyết buộc bà Nguyễn Thị Hải Đường phải trả cho tôi với số tiền 500.000.000 đồng và tiền lãi.

Bản tự khai ngày 13/7/2022 của bị đơn bà Nguyễn Thị Hải Đường trình bày: Năm 2014, chồng tôi là ông Đỗ Ngọc Thắng có mượn của bà Nguyễn Thị Tá 500.000.000 đồng (trong đó nợ tiền gốc 380.000.000 đồng, tiền lãi 120.000.000 đồng). Đến ngày 18/9/2020, tôi viết giấy hẹn nợ là ngày 30/12/2020 trả 250.000.000 đồng và ngày 30/12/2021 trả dứt điểm 250.000.000 đồng. Ngày 13/12/2021, tôi với ông Đỗ Ngọc Thắng ly hôn, nay tôi nhận trách nhiệm một mình trả nợ cho bà Nguyễn Thị Tá với số tiền 500.000.000 đồng, số tiền nợ này không liên quan gì đến ông Đỗ Ngọc Thắng nữa. Do hoàn cảnh gia đình khó khăn, Công ty vàng Phước Sơn chưa trả nợ nên tôi chưa có tiền trả nợ cho bà Nguyễn Thị Tá.

Tại phiên hòa giải ngày 27/7/2022, các đương sự trình bày:

Nguyên đơn bà Nguyễn Thị Tá trình bày: Năm 2014, vợ chồng ông Đỗ Ngọc Thắng và bà Nguyễn Thị Hải Đường nợ tôi số tiền 500.000.000 đồng (trong đó nợ tiền gốc 380.000.000 đồng, nợ tiền lãi 120.000.000 đồng). Ngày 18/9/2020, bà Nguyễn Thị Hải Đường viết giấy hẹn nợ, thời gian trả nợ ngày 30/12/2020 trả 250.000.000 đồng và ngày 30/12/2021 trả dứt điểm 250.000.000 đồng. Nhưng đến nay thời gian trả nợ đã hết, bà Nguyễn Thị Hải Đường không thực hiện việc trả nợ nên yêu cầu bà Nguyễn Thị Hải Đường phải trả cho tôi với số tiền 500.000.000 đồng và tiền lãi.

Bị đơn bà Nguyễn Thị Hải Đường trình bày: Trước đây vợ chồng tôi mượn của bà Nguyễn Thị Tá với số tiền 500.000.000 đồng (trong đó nợ gốc 380.000.000 đồng, nợ lãi 120.000.000 đồng). Đến ngày 18/9/2020, tôi viết giấy hẹn nợ và thời gian trả nợ là ngày 30/12/2020 trả 250.000.000 đồng và ngày 30/12/2021 trả dứt điểm 250.000.000 đồng. Hiện nay tôi với ông Đỗ Ngọc Thắng đã ly hôn, tại phiên hòa giải hôm nay tôi nhận trách nhiệm một mình trả nợ cho bà Nguyễn Thị Tá và ông Đỗ Ngọc Thắng không liên quan gì đến khoản nợ này nữa, tôi xin trả dần mỗi tháng 2.000.000 đồng cho đến khi hết nợ.

Do các bên đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ nội dung vụ án, cụ thể bà Nguyễn Thị Tá yêu cầu bà Nguyễn Thị Hải Đường phải trả một lần số tiền 500.000.000 đồng và tiền lãi. Còn bà Nguyễn Thị Hải Đường đồng ý trả số nợ 500.000.000 đồng và tiền lãi nhưng xin trả dần mỗi tháng 2.000.000 đồng cho đến khi hết nợ. Do các bên đương sự không thỏa thuận được với nhau và đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa, các đương sự trình bày:

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Tá trình bày: Trước đây vợ chồng ông Đỗ Ngọc Thắng và bà Nguyễn Thị Hải Đường nợ bà

Nguyễn Thị Tá với số tiền 500.000.000 đồng (trong đó nợ gốc 380.000.000 đồng, tiền lãi 120.000.000 đồng). Ngày 18/9/2020, bà Nguyễn Thị Hải Đường viết giấy hẹn nợ với số tiền 500.000.000 đồng, thời hạn trả ngày 30/12/2020 trả 250.000.000 đồng và ngày 30/12/2021 trả dứt điểm 250.000.000 đồng. Trong đơn khởi kiện bà Nguyễn Thị Tá kiện một mình bà Nguyễn Thị Hải Đường phải trả số tiền 500.000.000 đồng và tiền lãi. Tuy nhiên, xét thấy việc nợ này là nợ chung của vợ chồng ông Đỗ Ngọc Thắng và bà Nguyễn Thị Hải Đường trong thời kỳ hôn nhân. Nay, tại phiên tòa yêu cầu bổ sung khởi kiện là yêu cầu ông Đỗ Ngọc Thắng và bà Nguyễn Thị Hải Đường phải trả số tiền 500.000.000 đồng và tiền lãi cho bà Nguyễn Thị Tá, vì số tiền nợ này là nợ chung của vợ chồng ông Đỗ Ngọc Thắng và bà Nguyễn Thị Hải Đường trước khi ly hôn. Vì vậy, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 463, 466, 468 Bộ luật dân sự buộc ông Đỗ Ngọc Thắng và bà Nguyễn Thị Hải Đường phải trả cho bà Nguyễn Thị Tá với số tiền 566.600.000 đồng (trong đó nợ gốc 500.000.000 đồng, tiền lãi 66.600.000 đồng, tiền lãi tính từ ngày 01/01/2021 đến ngày 01/9/2022 là 20 tháng x 0,8%/năm).

Nguyên đơn bà Nguyễn Thị Tá thống nhất như quan điểm trình bày của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho mình, không có ý kiến bổ sung gì thêm.

Bị đơn bà Nguyễn Thị Hải Đường trình bày: Số tiền 500.000.000 đồng là nợ chung của hai vợ chồng tôi trước khi ly hôn. Nay, bà Nguyễn Thị Tá yêu cầu tôi với ông Đỗ Ngọc Thắng cùng trả số tiền nợ 500.000.000 đồng và tiền lãi thì tôi đồng ý và mỗi người phải trả cho bà Nguyễn Thị Tá $\frac{1}{2}$ với số tiền nợ trên. Vì hoàn cảnh gia đình khó khăn mong bà Nguyễn Thị Tá xem xét cho trả dần mỗi tháng 2.000.000 đồng và xem xét không tính tiền lãi.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn và nguyên đơn bà Nguyễn Thị Tá không đồng ý như ý kiến trình bày của bà Nguyễn Thị Hải Đường về việc trả dần mỗi tháng 2.000.000 đồng và yêu cầu phải tính tiền lãi. Ngoài ra, các bên đương sự không tranh luận gì thêm và giữ nguyên quan điểm đã trình bày.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Xét thấy bà Nguyễn Thị Hải Đường và ông Đỗ Ngọc Thắng có địa chỉ tại Tổ dân phố số 2, thị trấn Khâm Đức, huyện Phước Sơn, tỉnh Quảng Nam. Nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Phước Sơn, tỉnh Quảng Nam quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự. Ngày 28/6/2022, Tòa án nhân dân huyện Phước Sơn, tỉnh Quảng Nam đã thụ lý vụ án dân sự sơ thẩm số 03/2022/TLST-DS là đúng quy định của pháp luật.

[2] Về quan hệ pháp luật: Bà Nguyễn Thị Tá khởi kiện yêu cầu bà Nguyễn Thị Hải Đường và ông Đỗ Ngọc Thắng phải trả số tiền đã mượn theo giấy ghi nợ ngày 18/9/2020. Nên đây là “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*” quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Xét nội dung đơn khởi kiện và yêu cầu khởi kiện bổ sung: Bà Nguyễn Thị Tá yêu cầu bà Nguyễn Thị Hải Đường và ông Đỗ Ngọc Thắng phải trả số tiền đã mượn theo giấy hẹn nợ ghi ngày 18/9/2020 với số tiền 500.000.000 đồng (trong đó nợ gốc 380.000.000 đồng, tiền lãi 120.000.000 đồng). Bà Nguyễn Thị Tá đã cung cấp, xuất trình giấy hẹn nợ ghi ngày 18/9/2020 được lập thành văn bản là phù hợp với quy định của pháp luật về hình thức hợp đồng vay mượn tài sản. Bà Nguyễn Thị Hải Đường thừa nhận trước khi ly hôn bà với ông Đỗ Ngọc Thắng có nợ của bà Nguyễn Thị Tá với số tiền 500.000.000 đồng theo giấy hẹn nợ ghi ngày 18/9/2020. Trong giấy hẹn nợ ghi ngày 18/9/2020, thể hiện thời hạn trả nợ là ngày 30/12/2020 trả 250.000.000 đồng và ngày 30/12/2021 trả dứt điểm 250.000.000 đồng. Đã hết thời hạn trả nợ nhưng bà Nguyễn Thị Hải Đường và ông Đỗ Ngọc Thắng không thực hiện đúng cam kết nên đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ của người trả nợ. Hội đồng xét xử xét thấy có đủ căn cứ chấp nhận đơn khởi kiện và yêu cầu khởi kiện bổ sung của bà Nguyễn Thị Tá, buộc bà Nguyễn Thị Hải Đường và ông Đỗ Ngọc Thắng phải trả cho bà Nguyễn Thị Tá với số tiền 500.000.000 đồng và tiền lãi.

[4] Về tiền lãi: Bà Nguyễn Thị Tá yêu cầu bà Nguyễn Thị Hải Đường và ông Đỗ Ngọc Thắng phải trả tiền lãi quá hạn trả nợ của số tiền 500.000.000 đồng là 66.600.000 đồng (tiền lãi tính từ ngày 01/01/2021 – 01/9/2022 là 20 tháng, với lãi suất 0,8%/năm). Trong giấy hẹn nợ ghi ngày 18/9/2020, không thể hiện tính lãi, tuy nhiên xét thấy bà Nguyễn Thị Hải Đường và ông Đỗ Ngọc Thắng phải chịu tiền lãi suất do vi phạm nghĩa vụ trả nợ với số tiền 66.600.000 đồng như yêu cầu của bà Nguyễn Thị Tá là có cơ sở.

[5] Trong quá trình hòa giải bà Nguyễn Thị Hải Đường nhận một mình trả nợ cho bà Nguyễn Thị Tá và bà Nguyễn Thị Tá đồng ý. Nhưng tại phiên tòa bà Nguyễn Thị Tá không đồng ý một mình bà Nguyễn Thị Hải Đường nhận trách nhiệm trả nợ. Vì, số tiền nợ này là nợ chung của hai vợ chồng ông Đỗ Ngọc Thắng và bà Nguyễn Thị Hải Đường trước khi ly hôn và yêu cầu bà Nguyễn Thị Hải Đường và ông Đỗ Ngọc Thắng phải cùng trả nợ. Tại phiên tòa bà Nguyễn Thị Hải Đường đồng ý là bà với ông Đỗ Ngọc Thắng mỗi người phải chịu ½ số tiền nợ và bên nguyên đơn đồng ý ông Đỗ Ngọc Thắng và bà Nguyễn Thị Hải Đường mỗi người phải trả ½ số tiền cả gốc và lãi.

[6] Xét yêu cầu của bà Nguyễn Thị Hải Đường về việc xin trả dần mỗi tháng 2.000.000 đồng cho đến khi hết nợ. Xét thấy bà Nguyễn Thị Hải Đường và ông Đỗ

Ngọc Thắng đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ của người trả nợ và nguyên đơn bà Nguyễn Thị Tá không đồng ý về việc trả dần mỗi tháng 2.000.000 đồng. Hội đồng xét xử xét thấy không có căn cứ chấp nhận mà buộc bà Nguyễn Thị Hải Đường và ông Đỗ Ngọc Thắng phải trả cho bà Nguyễn Thị Tá một lần.

Từ nhận định và phân tích trên, Hội đồng xét xử xét thấy có đủ căn cứ chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Tá, buộc bà Nguyễn Thị Hải Đường và ông Đỗ Ngọc Thắng phải trả nợ cho bà Nguyễn Thị Tá với số tiền 566.600.000 đồng (trong đó mỗi người phải trả cho bà Nguyễn Thị Tá với số tiền 283.300.000 đồng).

[7] Án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ khoản 1 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án buộc bà Nguyễn Thị Hải Đường và ông Đỗ Ngọc Thắng phải chịu 24.000.000 đồng (trong đó mỗi người phải chịu 12.000.000 đồng). Hoàn trả lại tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm cho bà Nguyễn Thị Tá với số tiền 12.000.000 đồng.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 463, 466 Bộ luật dân sự; ***tuyên: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Tá đối với bà Nguyễn Thị Hải Đường và ông Đỗ Ngọc Thắng về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”.***

1. Buộc bà Nguyễn Thị Hải Đường và ông Đỗ Ngọc Thắng phải trả cho bà Nguyễn Thị Tá với số tiền 566.600.000 đồng (*năm trăm sáu mươi sáu triệu, sáu trăm ngàn đồng*). Trong đó bà Nguyễn Thị Hải Đường và ông Đỗ Ngọc Thắng mỗi người phải trả cho bà Nguyễn Thị Tá với số tiền 283.300.000 đồng (*hai trăm tám mươi ba triệu, ba trăm ngàn đồng*).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi cho bên được thi hành án của số tiền chậm thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 và khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

2. Án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ khoản 1 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án buộc bà Nguyễn Thị Hải Đường và ông Đỗ Ngọc Thắng phải chịu 24.000.000 đồng (*hai mươi bốn triệu đồng*). Trong đó mỗi người phải chịu 12.000.000 đồng (*mười hai triệu đồng*).

Hoàn trả lại tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm cho bà Nguyễn Thị Tá với số tiền 12.000.000 đồng (*mười hai triệu đồng*) theo biên lai thu tiền số 0011764 lập ngày 28/6/2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Phước Sơn, tỉnh Quảng Nam.

Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án dân sự sơ thẩm nguyên đơn, bị đơn có quyền làm đơn kháng cáo. Riêng người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án dân sự sơ thẩm.

“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo Điều 30 Luật thi hành án dân sự”.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Q.Nam;
- VKSND huyện P.Sơn;
- CCTHADS huyện P.Sơn;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phơ Loong Đếch